

Bản án số: **26/2024/HNGĐ - ST**
Ngày: 23/5/2024
V/v: “*Ly hôn, nuôi con chung*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC BÌNH, TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Thanh Nữ Kiều Oanh

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Bá Đình Tâm

2. Bà Phạm Thị Bích Lê

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình tham gia phiên tòa:**
Bà Nguyễn Thị Như Thủy - Kiểm sát viên.

- **Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Ông Bá Văn Nhân - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình

Ngày 23 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 432/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2023 về việc: “*Ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 04 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 18/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 26 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1994

Địa chỉ: Tổ 25 ấp C, xã P, huyện L tỉnh Tiền Giang

Bị đơn: Anh Nguyễn A, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn T, xã O, huyện B, tỉnh Bình Thuận

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình điều tra thu thập chứng cứ nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc H trình bày:

Về hôn nhân: Chị với anh Nguyễn A xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2014 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau. Hai bên gia đình có tổ chức cưới hỏi cho vợ chồng. Vợ chồng có đến UBND xã O để đăng ký kết hôn.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống chủ yếu tại thành phố làm thuê, trong cuộc sống hôn nhân vợ chồng không hợp nhau về lối sống, thường xảy ra nhiều xung đột, cãi nhau nguyên nhân do kinh tế nên năm 2015 chị và con về quê còn anh Pháp ở đâu chị không rõ. Hai bên gia đình có biết chuyện của vợ chồng và có hòa giải nhưng vợ chồng không thể đoàn tụ.

Từ năm 2015 thì vợ chồng mạnh ai người đó sống, không ai quan tâm hay hỏi thăm nhau, anh Pháp cũng không quan tâm đến con cái. Cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không hạnh phúc không đạt được và không còn khả năng hàn gắn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn A.

Về con chung: Vợ chồng có 01 là Nguyễn Minh N - sinh ngày 11/9/2014 hiện con đang ở với chị, nguyện vọng của con là ở với mẹ nên chị tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục con chung đến khi trưởng thành, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn A: Anh Nguyễn A không đến Tòa án theo giấy triệu tập, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Người làm chứng:

Bà Nguyễn Thị L trình bày: Bà là mẹ của Nguyễn Thị Ngọc H.

H và A xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau, hai bên gia đình có tổ chức cưới hỏi cho vợ chồng vào năm 2014.

Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Bình Thuận Sau khi xác lập quan hệ vợ chồng H sinh sống tại thành phố để làm thuê. Trong quá trình sống chung vợ chồng H không hạnh phúc nguyên nhân thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do cãi nhau, việc này thì H có gọi điện thoại cho bà biết. Năm 2015 vợ chồng H lại xảy ra mâu thuẫn nên H và con về nhà bà sinh sống từ đó đến nay.

Hai bên gia đình không có mâu thuẫn và có hòa giải cho vợ chồng nhưng không được. Từ đó vợ chồng H không ai còn quan tâm đến ai, A cũng không thấy đến thăm con.

Theo bà vợ chồng H không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt, Tòa án nên giải quyết cho H được ly hôn với Nguyễn A.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Minh N – sinh ngày 11/9/2014 hiện con đang ở với mẹ nên giao cho mẹ tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục đến khi trưởng thành.

Về tài sản và nợ chung: Không có.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình phát biểu ý kiến như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa:

Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định tại Điều 48, Điều 49, Điều 51 của BLTTDS năm 2015.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng

Nguyên đơn thực hiện đúng quy định Điều 70, Điều 71 BLTTDS năm 2015.

Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định Điều 70, Điều 72 BLTTDS năm 2015, bị đơn vắng mặt không có lý do dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, do đó căn cứ Điều 227, Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt bị đơn.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 238 BLTTDS năm 2015; Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Ngọc H được ly hôn đối với anh Nguyễn A.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Minh N – sinh ngày 11/9/2014 cho chị Nguyễn Thị Ngọc H chăm sóc nuôi dưỡng, chị Huyền không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét. Anh Nguyễn A được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không bị ai cản trở.

- Về tài sản, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Nguyên đơn chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa cũng như căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Nguyễn A có hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã O, huyện B, tỉnh Bình Thuận nên yêu cầu khởi kiện ly hôn của Chị H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc H, HĐXX nhận thấy: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Nguyễn A được xác lập trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại xã Hồng Thái, huyện Bắc Bình theo Giấy chứng nhận kết hôn số 75 ngày 23/6/2014 nên là hôn nhân hợp pháp, Chị Huyền có đơn ly hôn nên áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Chị Huyền và anh Pháp xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2014 cuộc sống vợ chồng sống chỉ hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là không hợp nhau về lối sống, thường xảy ra nhiều xung đột, cãi nhau nguyên nhân do kinh tế nên vợ chồng đã không còn sống chung từ năm 2015.

Theo quy định Luật HNGĐ vợ chồng thì phải biết thương yêu và quý trọng nhau, giúp đỡ nhau để cùng xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng hiện nay cuộc sống hôn nhân giữa chị H và anh A phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, dù được hai bên gia đình hòa giải nhưng vợ chồng không thể hàn gắn, vợ chồng đã không còn sống chung thời gian dài, không còn chia sẻ, lo lắng, quan tâm nhau. Quá trình giải quyết vụ án dù đã được Tòa án tạo điều kiện nhưng anh A không đến Tòa án làm việc, để hòa giải, hàn gắn với chị H. Như vậy mâu thuẫn trong hôn nhân giữa chị H và anh A sự đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Vợ chồng 01 con chung là Nguyễn Minh N – sinh ngày 11/9/2014, Tòa án đã ghi ý kiến của cháu N nguyện vọng của cháu là ở với mẹ. Chị H hiện đang chăm sóc nuôi dưỡng con chung, do đó để đảm bảo sự phát triển ổn định, toàn diện cho con chung tiếp tục giao con chung cho chị H chăm sóc nuôi dưỡng. Anh A được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không bị ai cản trở.

Về mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng: Chị H không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 238; Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc H được ly hôn với anh Nguyễn A.

Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Minh N – sinh ngày 11/9/2014 cho chị Nguyễn Thị Ngọc H chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, chị Huyền không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, chị Huyền đã nộp tại biên lai thu số 0008507, ngày 06/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Bình, chị Nguyễn Thị Ngọc H đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Án xử công khai vắng mặt nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- VKSND (Tỉnh, Huyện);
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Hồng Thái;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thanh Nữ Kiều Oanh

